

Bản án số: 38/2019/HS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin.

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/HSST-QĐ ngày 05/4/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1997, tại Long An; Nơi thường trú: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Thanh X và bà Lê Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2019 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Phạm Thị Kim V, sinh năm 2000. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trịnh Nhật T, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2/ Lê Thị C, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Nguyễn Thị T (vắng mặt); Nguyễn T K (vắng mặt); Nguyễn Thành T (vắng mặt); Nguyễn Hoàng S (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 6 giờ ngày 11 tháng 01 năm 2019, bị cáo Nguyễn Xuân Q gặp và nhờ Nguyễn Thành T, sinh 1989, hộ khẩu thường trú: ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An, điều khiển xe mô tô biển số 62H7-9828 của T chở bị cáo Q từ ấp A, xã N đến trường T học phổ thông A, thuộc ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi đến gần cổng trường T học phổ thông A, bị cáo Q kêu T cho xuống xe. Sau đó, bị cáo Q đi bộ đến cửa hàng bán tạp hóa của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, thuộc ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An để mua 6.000 đồng thuốc lá hiệu Jet. Sau khi bán thuốc lá hiệu cho bị cáo Q, bà T đi xuống phía sau nhà để làm công việc. Lúc này, bị cáo Q thấy trong nhà bà T có dựng xe mô tô biển số 62P1-379.12 của con ruột bà T là chị Phạm Thị Kim V, trên xe có gắn sẵn chìa khóa công tắc điện không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp xe này đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Q lén lút tiếp cận đẩy xe mô tô biển số 62P1-379.12 ra ngoài nổ máy và điều khiển xe bỏ chạy đến huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, bị cáo Q sử dụng điện thoại di động số sim 0392550796 gọi điện vào điện thoại di động của bạn Q tên Búa (đã xóa số điện thoại của Búa hiện không nhớ rõ) không rõ nhân thân lai lịch. Bị cáo Q nói với Búa vừa trộm cắp được xe mô tô hiệu Wave Alpha cần bán, Búa kêu bị cáo Q chạy xe đến huyện G, tỉnh Tây Ninh để bán xe. Bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 62P1-379.12 đến quán cà phê hiệu T, thuộc khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh đợi khoảng 05 phút thì có người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ đến mua xe này với giá 7.300.000 đồng. Sau đó, bị cáo Q thuê xe máy của người không rõ họ tên, địa chỉ về xã L, huyện Đ, tỉnh Long An và vào tiệm game không rõ biển hiệu chơi game bán cá hết số tiền 7.300.000 đồng. Qua tố cáo của chị Phạm Thị Kim V, Cơ quan điều tra tiến hành mời bị cáo Q làm việc và bị cáo Q thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model: RM-1190, IMEI, số sim 0392550796, một mũ lưới trai bằng vải màu đen, một áo sơ mi màu trắng xanh nhạt dài tay của bị cáo Q sử dụng khi thực hiện tội phạm, đối với xe mô tô biển số 62P1-379.12 Cơ quan điều tra không thu giữ được để xử lý.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô biển số 62P1-379.12 do ông Trịnh Nhật T, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đứng tên đăng ký quyền sở hữu. Vào tháng 7 năm 2018, ông T bán lại xe mô tô biển số 62P1-379.12 cho chị Phạm Thị Kim V với giá 12.500.000 đồng để sử dụng. Chị V sử dụng xe này đến ngày 11/01/2019 thì bị bị cáo Nguyễn Xuân Q trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL.ĐGTS ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận: xe mô tô biển số 62P1-379.12 mà bị cáo Q trộm cắp của chị V có giá trị thành tiền là 11.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSĐH ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Xuân Q gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Q mức hình phạt tù 6 tháng đến 9 tháng tù.

Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model: RM-1190, IMEI, số sim 0392550796 là tài sản của bị cáo Q dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và tịch thu tiêu hủy số sim 0392550796;

+ Đối với 01 (một) mũ lưới trai bằng vải màu đen, một áo sơ mi màu trắng xanh nhạt dài tay của bị cáo Q sử dụng khi thực hiện tội phạm: tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị C (là mẹ ruột của bị cáo Q) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường giá trị tương đương của xe mô tô biển số 62P1-379.12 bị mất trộm cho chị Phạm Thị Kim V với số tiền là 15.000.000 đồng, chị V sau khi nhận đủ số tiền này không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không đề cập, xem xét. Bà Lê Thị C không có yêu cầu gì đối với số tiền đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo Q nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Đối với người có tên Búa có hành vi giúp cho bị cáo Q bán xe mô tô biển số 62P1-379.12 do trộm cắp có được và người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ có hành vi mua xe mô tô biển số 62P1-379.12, do không xác định được nhân thân lai lịch những người này và chỉ có lời khai của bị cáo Q, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân Q hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Phạm Thị Kim V trình bày tại Cơ quan điều tra: Xe mô tô biển số 62P1-379.12 chị mua của ông Trịnh Nhật T, nhưng chưa làm thủ tục sang tên trên Giấy đăng ký mô tô, xe gắn máy. Ngày 11/01/2019, chị dựng xe mô tô biển số 62P1-379.12 tại cửa hàng tạp hóa của mẹ chị là bà Nguyễn Thị T thì bị mất trộm. Nay mẹ ruột của bị cáo Q đã bồi thường cho chị giá trị tương đương của xe mô tô biển số 62P1-379.12 là 15.000.000 đồng, chị đã nhận đủ tiền nên không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C trình bày: Bà là mẹ ruột của bị cáo Q, bà đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo Q số tiền 15.000.000 đồng - tương đương giá trị chiếc xe mô tô biển số 62P1-379.12. Số tiền này bà tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo Q, bà không yêu cầu bị cáo trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Xuân Q trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 18 giờ 10 phút ngày 11 tháng 01 năm 2019, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 04/KL.ĐGTS ngày 14/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Thấy rằng, bị cáo Nguyễn Xuân Q do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 06 giờ ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại cửa hàng bán tạp hóa của bà Nguyễn Thị T, thuộc ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo Nguyễn Xuân Q có hành vi lén lút chiếm đoạt của con ruột bà T là chị Phạm Thị Kim V một xe mô tô biển số 62P1-379.12, có giá trị thành tiền là 11.250.000 đồng. Sau khi trộm cắp được xe mô tô biển số 62P1-379.12, bị cáo Q điều khiển xe đến khu vực thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh bán cho người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ với giá 7.300.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, bị cáo Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Q với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Q gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của chị Phạm Thị Kim V, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bà ngoại (bà Nguyễn Thị Dòn) được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, gia đình có truyền thống cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 62P1-379.12, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập, xem xét.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model: RM-1190, IMEI, số sim 0392550796 là tài sản của bị cáo Q dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và tịch thu tiêu hủy số sim 0392550796;

Đối với 01 (một) mũ lưới trai bằng vải màu đen, một áo sơ mi màu trắng xanh nhạt dài tay của Q sử dụng khi thực hiện tội phạm: tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị C (là mẹ ruột của bị cáo Q) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng (giá trị tương đương của xe mô tô biển số 62P1-379.12 bị mất trộm) cho chị Phạm Thị Kim V, chị V sau khi nhận đủ số tiền này không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, bà Lê Thị C không có yêu cầu đòi với số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo Q nên không đề cập, xem xét.

[7]. Đòi với người có tên Búa có hành vi giúp cho bị cáo Q bán xe mô tô biển số 62P1-379.12 do trộm cắp có được và người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ có hành vi mua xe mô tô biển số 62P1-379.12, do chỉ có lời khai của bị cáo Q không xác định được nhân thân lai lịch những người này, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau nên không đề cập, xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân Q 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Xuân Q 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/4/2019) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model: RM-1190, IMEI đã qua sử dụng có trầy xước.

- Tịch thu tiêu hủy: số sim 0392550796; 01 (một) mũ lưới trai bằng vải màu đen; 01 (một) áo sơ mi màu trắng xanh nhạt dài tay đã sử dụng.

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 68-20/3/2019 ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Xuân Q nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh